

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA CẢNH QUAN VĂN HÓA BIỂN HỘI AN

Nguyễn Thị Vĩnh Linh¹

Tóm tắt: Đại dương đã ban tặng cho các thành phố ven biển (trong đó có Hội An) một cảnh quan văn hoá biển độc đáo với hệ thống các di sản gắn liền với biển. Dựa trên khung lý thuyết về cảnh quan văn hoá biển, nghiên cứu này tập trung phân tích vị trí của cảnh quan biển trong bối cảnh không gian chung của Hội An và đề xuất các giải pháp cho việc tích hợp cảnh quan văn hoá biển vào thiết kế văn hóa và nghệ thuật của Hội An vì một tương lai phát triển bền vững. Để thực hiện nghiên cứu, tác giả kế thừa kết quả của các học giả trong nước và quốc tế có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến vấn đề này và sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như khảo sát thực địa, phân tích, tổng hợp, hệ thống cấu trúc.

Từ khóa: Cảnh quan văn hoá biển; Hội An; Phát triển bền vững.

CONSERVATION AND PROMOTION OF THE CULTURAL SEASCAPE VALUES OF HOI AN

Abstract: The coastal cities (including Hoi An) has been endowed with a unique maritime cultural landscape featuring a system of sea-related heritage sites. Based on the theoretical framework of maritime cultural landscape, the paper focuses on analyzing the position of the marine landscape within Hoi An's overall spatial context and proposes solutions for integrating the maritime cultural landscape into Hoi An's cultural and artistic design for a sustainable future. To conduct the research, the author relies on the research results of scholars around the world directly or indirectly related to this issue and employ a combination of various methods, including on-site survey, analysis, synthesis, and structural system.

Keywords: Cultural seascape; Hoi An; Sustainable development.

Nộp bản thảo: 03/6/2025

Chấp nhận đăng: 25/11/2025

1. Đặt vấn đề

Cảnh quan văn hóa là một sản phẩm do con người tạo ra theo dòng chảy thời gian thể hiện mối liên hệ giữa con người và đất liền hoặc biển, bao gồm cả tài nguyên văn hóa, tài nguyên thiên nhiên, liên quan đến một sự kiện, hoạt động hoặc thể hiện các giá trị văn hóa, thẩm mỹ khác (Tian, Y. & Yang, L, 2020).

Nằm trong phạm trù không gian văn hoá nhưng cảnh quan văn hoá biển lại có nhiều yếu tố đặc trưng, được hình thành từ sự tương tác giữa con người với không gian biển, đường bờ biển và đất liền. Một phần của cảnh quan văn hóa biển là di tích lịch sử ven biển và những di tích dưới nước

¹TS, Trường Đại học Quảng Nam, email liên hệ: nguyenthivinhlinh@gmail.com

cùng với môi trường xung quanh. Tất cả chúng đều là kết quả hữu hình từ quá trình hoạt động của con người trong môi trường biển (Marina Vladimirova, 2016).

Là một vùng đất chứa đựng nhiều lớp trầm tích lịch sử. Trải qua hàng ngàn năm kể từ khi nền văn hóa Sa Huỳnh được hình thành cho đến ngày nay, các lớp cư dân sinh sống, định cư trên mảnh đất Hội An đã tạo nên nhiều tầng văn hóa đặc sắc, mang đậm dấu ấn, đặc điểm riêng của môi sinh, nhân sinh vùng cửa sông ven biển. Trong mỗi tầng lớp văn hóa, yếu tố “biển đảo” luôn là một hằng số không đổi, nó ăn sâu trong tư tưởng nhận thức, suy nghĩ, phong tục tập quán, lối sống, tôn giáo - tín ngưỡng, cách thức tổ chức xã hội của cư dân Hội An. Nó gắn liền với đời sống kinh tế - nghề nghiệp, lễ hội, các loại hình văn hóa văn nghệ dân gian, kiến trúc, điêu khắc... truyền thống của cộng đồng và những thắng cảnh thiên nhiên vùng biển đảo. Các giá trị văn hóa đó được tích lũy, gìn giữ, lưu truyền lại cho thế hệ con cháu hôm nay, và là những di sản văn hóa biển đảo độc đáo, giàu giá trị.

Trong đó, “cảnh quan văn hoá biển” của Hội An là vấn đề cần được quan tâm để bảo tồn và phát huy giá trị trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu hiện nay. Trên cơ sở nhận diện và đánh giá thực trạng các yếu tố cấu thành của cảnh quan văn hoá biển Hội An, bài nghiên cứu sẽ đưa ra một số giải pháp nhằm bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị cảnh quan văn hoá biển Hội An một cách hiệu quả và bền vững.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Khái niệm “cảnh quan văn hoá biển” bắt đầu trở thành vấn đề nghiên cứu chuyên sâu từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX với các nghiên cứu của Westerdahl (2011), J. Flatman (2012),... Đến khoảng những năm đầu thế kỷ XXI, các nhà nghiên cứu lại mở rộng xem xét cảnh quan văn hoá biển trong một không gian chú trọng đến cả những yếu tố chìm dưới mặt nước biển. Theo đó, “nghiên cứu về văn hóa biển và cảnh quan của nó có nghĩa là khám phá mọi loại mối quan hệ giữa con người với biển, hoặc rất có thể là với bất kỳ vùng nước lớn nào” (Westerdahl, C., 2011). Quan điểm này được các tác giả khác ủng hộ, họ khẳng định rằng một phần của cảnh quan văn hóa biển là việc con người sử dụng không gian biển thông qua các hoạt động như đánh bắt cá, vận chuyển, đóng tàu, thương mại hàng hải, ngọn hải đăng, các dấu hiệu biển (dấu hiệu điều hướng) (Flatman, J., 2012). Các nguồn tài nguyên văn hóa liên quan đến các hoạt động hàng hải này bao gồm: các khu định cư; tàu thuyền và các tàu lớn nhỏ khác; xác tàu đắm; xưởng đóng tàu; bến cảng và bến tàu; cầu tàu và nhà kho; cống và kênh đào; ngọn hải đăng; trạm cứu hộ và các phương tiện hỗ trợ hàng hải khác; các di tích lịch sử ven biển, cơ sở hải quân và các cộng đồng cư dân đương đại sống trong môi trường biển (Vrana, K.J., & Vander Stoep, G.A., 2003). Kết quả của quá trình sáng tạo này là một lượng lớn di tích văn hóa còn sót lại trên bờ biển và dưới nước.

Tuy nhiên, cảnh quan văn hoá biển không phải là một thực thể bất biến mà chịu sự tác động mạnh mẽ từ những thay đổi của môi trường sinh thái/sinh học và xáo trộn về văn hóa, khí hậu và địa chất. Do sự thay đổi này cùng với quá trình xâm thực và thoái trào đã xảy ra ở bờ biển cách đây hàng thiên niên kỷ, một lượng lớn các đối tượng văn hóa độc đáo nằm dưới nước. Nhưng chúng là một phần của cảnh quan văn hoá biển vì chúng là bằng chứng cho sự toàn vẹn của con người trong môi trường ven biển và biển.

Do đó, trên cơ sở sử dụng khung lý thuyết về cảnh quan văn hoá biển từ các nghiên cứu của Westerdahl, J. Flatman,... chúng tôi cho rằng cảnh quan văn hoá biển là sự tương tác giữa biển và đất liền, giữa môi trường biển và con người, giữa di sản văn hóa và thiên nhiên. Cảnh quan văn hóa biển bao gồm các di tích hoạt động của con người chịu ảnh hưởng từ biển, trong bối cảnh môi trường biển. Đó là sự cộng sinh giữa môi trường biển và sáng tạo của con người với tất cả những gì hữu hình và vô hình còn sót lại vì “một vùng biển không có con người sẽ chỉ là đơn thuần là một không gian biển chứ không phải là cảnh quan văn hoá biển”. Hơn nữa, cảnh quan văn hoá biển “được định hình không chỉ bởi thiên nhiên mà còn bởi sự can thiệp của con người” (Pungetti, G., (2022b).

Trên cơ sở tham chiếu từ khung lý thuyết, dựa trên nguồn dữ liệu thu thập từ khảo sát thực địa, từ các công trình nghiên cứu đã được công bố, bài báo sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, cấu trúc hệ thống nhằm làm rõ các nội dung liên quan. Từ tháng 1/2025 đến tháng 6/2025, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và quan sát thực tế những biến đổi về cảnh quan biển, các sinh hoạt văn hoá của cư dân gắn với biển Cửa Đại và biển An Bàng (Hội An) cũng như toàn bộ không gian văn hoá biển gắn liền với các làng quê, làng nghề biển từ làng chài Hà My (ở phía Bắc) đến làng nước mắm Cửa Khe (ở phía Nam). Bên cạnh đó, để đánh giá một cách toàn diện sự biến đổi của cảnh quan văn hoá biển ở Hội An liên quan đến lối sống và tập quán sinh hoạt, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn những cư dân địa phương - những người trực tiếp có các hoạt động nghề gắn với biển. Dữ liệu thu được từ quan sát và phỏng vấn trực tiếp sẽ góp phần bổ sung cho dữ liệu sơ cấp và thứ cấp mà chúng tôi sử dụng trong nghiên cứu này.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Các thành tố cảnh quan văn hoá biển Hội An

Là vùng đất mang nhiều trầm tích văn hoá lịch sử, trải qua nhiều thời kỳ với nhiều biên độ thời gian khác nhau, Hội An vẫn mang trong mình dấu ấn văn hoá biển đậm nét. Như cố giáo sư Trần Quốc Vượng đã nhận định: “Hội An không chỉ là sản phẩm của Sông (hệ Thu Bồn) mà còn là sản phẩm của Biển” (Trần Quốc Vượng, 1991) và “Thực tế Hội An, cái làm nên tính độc đáo đặc biệt của nó đó là một đô thị - thương cảng ở cửa sông - ven biển, đặc biệt độc đáo ở tính chất vượt trội hay tương đối ven biển là thương nghiệp, là “thị” và chức năng chủ yếu là ngoại thương...” (Trần Quốc Vượng, 1998). Theo kết quả nghiên cứu và khảo sát thì “vào khoảng đầu công nguyên, lúc biên tiến đạt mức cực đại thì vùng cửa sông Thu Bồn là một vụng biển cửa sông loe như hình phễu” (Phan Huy Lê, 1991). Do đó, phần lớn diện tích Hội An và vùng lân cận hiện nay đều được tạo thành từ tích tụ biển với ba dạng bề mặt chính: bề mặt tích tụ cao từ 5m-7m (tiêu biểu là phần đô thị cổ Hội An), bề mặt tích tụ cao 2m-4m (chủ yếu nằm ở phía Đông của đô thị cổ) và bề mặt tích tụ cao 1-2m (dải hẹp sát ngay bờ biển hiện nay). Về địa hình, nếu cắt theo chiều dọc Bắc-Nam thì hệ thống cồn cát biển từ Cẩm An (phía Đông sông Cổ Cò) đến Sơn Phô, Hội An, Cẩm Phô, Thanh Hà...chính là mốc đánh dấu những đường bờ biển cổ. Bên cạnh đó là hệ thống đầm (đầm Trà Nhiêu, Trà Quế), bầu (Bầu Ốc, Bầu Súng, Bầu Sen...) - dấu tích của đường ven biển cũ. Do đó, có thể có rằng: “Hội An là một phức hợp hệ sông chằng chịt ở vùng cửa biển” và là “phức hợp hệ cồn bầu ven biển” (Trần Quốc Vượng, 1991).

Chủ thể của văn hoá biển Hội An là các lớp cư dân đã từng quần tụ sinh sống trong không gian văn hoá Hội An từ thời tiền - sơ sử với lớp cư dân cổ của văn hoá Sa Huỳnh đến người Chăm với

những cái tên như Chiêm Bất Lao (Cù Lao Cầm), Chiêm cảng, Đại Chiêm Hải khẩu....rồi đến lớp cư dân Việt - cội nguồn chính tạo dựng nên cảnh quan văn hoá biển của Hội An hiện nay. Và tất nhiên, trong “cái chất tụ cư, hỗn cư, hợp cư của nhiều tộc người trên cái chợ, cái hội chợ, cái đô thị thương cảng ven sông, ven biển này” (Trần Quốc Vượng, 1998) không thể không kể đến những thương nhân người Nhật, người Hoa, người phương Tây và nhiều nước khác trong khu vực vãng lai theo gió mùa, định cư buôn bán. Chính vì vậy, với một đặc trưng hiếm nơi nào có được, Hội An mang trong mình diện mạo của một cảnh quan văn hoá biển đa tầng, đa màu sắc và có chiều sâu cả về thời gian lẫn chủ thể.

Một trong những thành tố quan trọng cấu thành nên tính đặc trưng của cảnh quan văn hoá biển Hội An là hệ thống di tích cổ gắn liền với biển và các hoạt động liên quan đến biển mà tiêu biểu nhất chính là Khu phố cổ hiện nay. Một không gian văn hoá gắn liền với biển được hình thành và phát triển qua nhiều thế hệ đã tạo nên diện mạo cảnh quan văn hoá biển đặc trưng của Hội An. Theo Nguyễn Chí Trung, nếu xét theo nghĩa rộng, không gian địa lý của Hội An bao gồm: “Cửa biển - Cửa Đại và Cửa Hàn; Tiền cảng - nơi neo đậu tàu lớn, chờ làm thủ tục hải quan như Touron, Trà Nhiêu, Trung Phường...; Các bến - chợ: Đà Nẵng, Trà Nhiêu, Thăng Bình, Thanh Hà, Trà My... Tất cả đều trở thành vệ tinh trực tiếp của trung tâm phố chợ/thị Faifo - Hội An. Nơi “quy tụ hàng hóa sản phẩm, năm nào cũng mở hội chợ kéo dài gần 4 tháng”. Rộng hơn nữa đến Dinh Trần Quang Nam, thượng đô thứ 2 của các chúa Nguyễn và cả xứ Quảng - Đà Nẵng để làm nên cái “Hải Cảng tỉnh Kẻ Chiêm/Cacciam” nổi tiếng quốc tế ở vào thế kỷ XVII, XVIII” (Nguyễn Chí Trung, 2005). Trên những bản đồ cổ vào thế kỷ XVII-XVIII, một thủy trình cổ kết nối sông Thu Bồn chảy qua Hội An (hay Faifo) ra biển cả bằng cửa Đại Chiêm và sông Cổ Cò (Đế Võng) nối Hội An với cửa Hàn. Trên thủy trình cổ này, các nhà nghiên cứu đã tìm thấy những lô tàu, mỏ neo chôn vùi trong lòng đất (Phan Huy Lê, 1991).

Nếu xét theo nghĩa hẹp thì Hội An có thể được hiểu là “Hoài (phô) phố, Hội (An) phố... theo cách gọi dân gian hay trong các văn bản nhà nước: Faifo phố/“Ville de Faifo” thời thuộc Pháp; hay Phố cổ Hội An, Đô thị cổ Hội An, Khu phố cổ Hội An... theo cách gọi hiện nay của các nhà lịch sử, kiến trúc, bảo tồn di sản văn hóa... thì không gian địa lý của nó là một phần rất nhỏ của Faifo - Hội An với hàm nghĩa là Đô thị - thương cảng hay phố cảng quốc tế. Tức nó chỉ là phần trung tâm phố/thị gắn với chợ, nơi bán buôn, tương ứng với khu phố cổ Hội An hiện nay” (Nguyễn Chí Trung, 2005). Trải qua những thăng trầm của lịch sử, đến hiện nay, Hội An vẫn bảo lưu hệ thống di tích cổ gắn liền với biển và các sinh hoạt văn hoá biển nổi bật như: dấu tích của cảng biển cổ đại (cảng Cửa Đại); các di chỉ khảo cổ học về biển nổi tiếng như: di chỉ tàu đắm Cù Lao Chàm; các di chỉ văn hoá Sa Huỳnh (di tích Bãi Ông, Bãi Làng (Cù Lao Chàm); An bang (Thanh Hà), Hậu Xá I, II (Thanh Hà)...; di tích miếu gắn liền với hoạt động khai thác yến sào như: Miếu Tổ nghề yến (thôn Bãi Hương, xã Tân Hiệp), miếu ông Tiến (thôn Thanh Đông, xã Cẩm Thanh); di tích lăng thờ cá Voi/cá Ông như: di tích lăng Ông Ngự (thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp), di tích lăng Ông (khối Hà Trung, phường Cẩm Nam), di tích lăng Ông (khối An Bàng, phường Cẩm Nam)...; di tích giếng cổ Xóm Cẩm (thôn Cẩm, xã Tân Hiệp) gắn liền với hoạt động thương mại biển của các thương thuyền quốc tế trên con đường hàng hải từ Tây sang Đông; các làng chài ở Vông Nhi, Đế Võng, Phước Trạch, Đại An, Tân Hiệp đánh bắt, chế biến hải sản để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (UBND thành phố Hội An, 2015); và đặc biệt là Khu phố cổ - với tư cách là một điển hình

đặc biệt về một cảng thị truyền thống ở Đông Nam Á được bảo tồn nguyên vẹn (UBND thành phố Hội An, 2015).

Thứ hai, nhiều ngôi làng ở Hội An hiện nay vẫn duy trì lối sống, tập quán sinh hoạt và địa danh gắn liền với biển. Theo nghiên cứu của Trần Văn An, cộng đồng cư dân Hội An vẫn duy trì gần 46 nghề khai thác, đánh bắt hải sản và khai thác lâm thổ sản trên đảo, trên bờ biển. Trong đó, có những nghề biển mà hệ thống tri thức bản địa và ngư cụ liên quan thể hiện bản sắc rất riêng của Hội An và có giá trị định hình cảnh quan văn hoá biển của vùng đất này như: nghề khai thác yến sào (làng Thanh Châu) với các địa danh như hang Khô (Hòn Khô - Cù Lao Chàm), hang Chò Vò (Hòn Lao - Cù Lao Chàm); nghề đan võng ngô đồng ở Cù Lao Chàm; nghề đan thúng chai; nghề buôn ghe bầu gắn liền với các vịnh biển như vịnh Thanh Châu, Cẩm Phô, Thanh Hà, Sơn Phô, Hội An, Cẩm An, Trường Lệ... (Trần Văn An, 2016). Phần lớn bộ phận cư dân làm các nghề này “sống tập trung ở các bãi ngang, bãi dọc ven biển Hội An và một số bãi thuộc Cù Lao Chàm lập thành các vịnh nghề biển, lấy tên gọi theo phương tiện và kỹ thuật hành nghề như vịnh giã, vịnh câu, vịnh lưới chuồn, vịnh mảnh cơm, vịnh mảnh chà...” (Trần Văn An, 2016) và hình thành nên những ngôi làng biển, vịnh biển hoặc lấy chính tên của vịnh nghề (vịnh giã, vịnh mảnh...) để gọi.

Thứ ba, Hội An qua các thời kỳ lịch sử đều thể hiện rõ ưu điểm mang tính chiến lược của một vùng đất có vị trí địa - kinh tế, địa - chính trị đặc biệt quan trọng trong hệ thống thương mại biển. Do cấu tạo địa chất, ở dọc ven biển miền Trung là các vũng, vịnh nước sâu, kín gió, thuận lợi cho việc thiết lập quân cảng và thương cảng. Chính vì lẽ đó, ngay từ xa xưa, “miền Trung Việt Nam là cửa ngõ cho các hoạt động giao thông đường thủy trong khu vực, nơi mà hầu hết thương nhân, khách hành hương và các đoàn triều cống đặt chân tới...” (Nguyễn Văn Kim, 2019). Do đó, ngay từ thời Sa Huỳnh, với vị trí địa lý thuận lợi, người Sa Huỳnh “đã có cái nhìn về biển, giao lưu xa và chặt chẽ với miền cao nguyên Thượng Lào- Kòrat và miền hải đảo Thái Bình Dương, giao lưu với cư dân Đông Sơn và dân Đồng Nai theo cả đường bộ và đường ven biển” (Trần Quốc Vượng, 2008).

Đến thời kỳ Champa, tận dụng vị trí chiến lược trên tuyến hải thương, một Đại Chiêm Hải khẩu đã dần phát triển rực rỡ: “trên con đường ở biển từ Quảng Châu (Trung Quốc) đến Bagad (Ả - rập), thuyền bè quốc tế bao giờ cũng ghé qua Chiêm bắt lao (Cửa Đại), Tăng Sơn, Môn Độc (Qui Nhơn), Cổ Đất quốc (Kau Thara, Nha Trang), Bôn Đà Năng Châu (Panduranga, Phan Rang)...” (Trần Quốc Vượng, 2008). Trong đó, “Cảng chính của Champa (Chiêm Cảng) và cảng Kungchang cách kinh đô Champa 10 ngày đường (G.Ferand đoán là Kauthara, Nha Trang) có đào nhiều giếng nên các thuyền buôn đều rẽ vào lấy nước ngọt” (Trần Quốc Vượng, 2008). Sau phát kiến địa lý (XV-XVI), hàng hải thế giới được mở rộng, “miền Trung vẫn đóng vai trò trung tâm trong giao thương vận tải biển khu vực, vùng biển phía Nam Trung Hoa trong thời đại của ngành hàng hải” (Nguyễn Thị Ngọc Thảo, 2020).

Khi đến Đàng Trong vào những thập niên đầu thế kỷ XVII, giáo sĩ người Ý thuộc Dòng Tên (The Jesuits) - Christophoro Borri đã khẳng định rằng: “Hải cảng đẹp nhất, nơi tất cả người ngoại quốc đều tới và cũng là nơi có hội chợ danh tiếng chính là hải cảng thuộc tỉnh Quảng Nam. Người ta cập bến bằng hai cửa biển: một gọi là Turon (Đà Nẵng) và một gọi là Pulluciambello (Hội An)

(Borri, C., 1999). Vì thế, đến mùa mậu dịch², cả khu vực từ Thanh Hà, Cẩm Phô, Hội An, Hoài Phô, hiện nay thuộc các xã Cẩm Hà, phường Cẩm Phô, Minh An, Sơn Phong và xã Cẩm Châu kể cả khu vực Trà Nhiêu (huyện Duy Xuyên) là nơi ghe thuyền tập nập dọc theo các cảng sông” (Đỗ Bang, 2008). Có lẽ thời gian với nhiều đổi thay đã khiến chúng ta ngày nay khó hình dung được cảnh quan không gian biển của Hội An vào giai đoạn phát triển thịnh đạt ấy. Thế nhưng theo các nhà nghiên cứu thì có thể “thước đây và cả trước đó nữa, Hội An nằm ở cửa sông, biển ăn sát vào khu vực Hội An” (Bùi Thiết, 2008). Do đó, khi nghiên cứu về địa mạo của Hội An thì địa hình có nguồn gốc biển chiếm phần lớn diện tích khu vực này. Trong đó, khu phố cổ được xây dựng trên bề mặt tích tụ cao 5-7m; các xã Cẩm Châu, Cẩm An, Cửa Đại...được hình thành trên bề mặt tích tụ cao 2-4m (Nguyễn Chí Trung, 2005). Bên cạnh đó, địa hình nguồn gốc sông biển, biển - đầm lầy, biển - gió...cũng chiếm diện tích khá lớn. Như vậy, từ trong lòng đất, dấu ấn biển đã góp phần quyết định tạo dựng nên cảnh quan và không gian văn hoá biển của Hội An từ trong chiều sâu của lịch sử cho đến ngày nay.

Do vị trí địa lý đặc biệt, Hội An trong nhiều thế kỷ là địa điểm cung cấp các sản phẩm thô tự nhiên, một trung tâm thu gom, phân phối hàng hóa và là điểm trung chuyển hàng hóa mang tính quốc tế. Nằm trong một vùng đất nổi tiếng giàu có về sản vật mà như Lê Quý Đôn đã ghi chép lại rằng: “Thuận Hoá không có nhiều của cải, đều lấy ở Quảng Nam vì xứ Quảng Nam là đất phì nhiêu nhất thiên hạ. Người Thăng Hoa Điện Bàn đều biết dệt vải lụa vóc đoạn lĩnh là, hoa màu khéo đẹp chẳng kém gì Quảng Đông, ruộng đồng rộng rãi, gạo lúa tốt đẹp, trầm hương, tóc hương, sừng tê, ngà voi, vàng bạc, đồi mồi, trai ốc, bông, sáp, đường, mật, dầu sơn, cau, hồ tiêu, cá muối, gỗ lạt đều sản xuất ở đây” (Lê Quý Đôn (bản dịch bổ chính: Trần Đại Vinh), 2017). Ở các vùng phụ cận Hội An, lụa tơ tằm và các loại đường xứ Quảng cũng là những mặt hàng được các lái buôn nước ngoài thu mua thường xuyên. Cùng với những nương dâu xanh ngát, vùng Quảng Nam khi xưa cũng rất nổi tiếng với những ruộng mía đường có năng suất cao và chống bệnh tốt. Tận dụng nguồn tài nguyên sẵn có, người Việt và người Minh Hương đã lập ra nhiều cơ sở sản xuất mía đường dọc hai bên bờ sông Thu Bồn, Vu Gia và ngay cả ở vùng kế cận cảng thị Hội An. Trong các loại đường xuất cảng qua cảng thị Hội An, thì đường bánh (đường đen), đường băng hon (đường phèn), đường thạch khô (đường phổi) hay được thuyền buôn Nhật Bản, Trung Hoa... mua về với giá khoảng 4 quan/1 tạ đường phèn, 12 quan/1 tạ bạch đường. Những mặt hàng bản địa ấy, được cư dân địa phương hoặc thương lái thu mua, tập trung tại Hội An: “dân bản xứ có thói quen mang đến vào lúc ấy các sản phẩm trong xứ: sợi tơ sống và tơ đã chuốt, gỗ tốt đóng đồ đặc, gỗ trầm hương, đường, xạ hương, quế, hồ tiêu, gạo” (Maybon, B. Charles, 2016). Từ năm 1613 đến 1633, các bản ghi chép của triều đình nhà Nguyễn và Dòng Tên đã liệt kê những sản phẩm được tập trung tại cảng thị Hội An: từ khai thác mỏ như vàng và sắt; từ những nhóm dân tộc thiểu số chuyên thu hoạch quế, cau, hồ tiêu, trầm và gỗ xây dựng hay săn bắn ngà voi, sừng tê giác và da hươu; từ những hộ gia đình sản xuất dầu thơm và lụa hay làm đồ gỗ và sành sứ để xuất khẩu; từ những trang trại trồng thuốc và mía, và từ các làng ven biển và hải đảo chuyên đánh bắt hải sản

²Mùa mậu dịch (hay hội chợ) ở Hội An được tổ chức dựa trên các điều kiện thời tiết đặc trưng của vùng biển miền Trung với sự phân chia hai mùa rõ rệt: mùa mưa lũ (từ tháng 9 đến tháng 1) và mùa khô (tháng 2 đến tháng 8). Trong đó, mùa khô là mùa thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động thương nghiệp ngoài trời và cũng là mùa biển lặng cho tàu thuyền đi biển và cập bến. Do đó, các thương thuyền phương Tây thường đến Hội An khi mùa Xuân về (tập nập nhất là vào tháng 3, 4, 5). Đến cuối mùa mậu dịch vào khoảng tháng 7, 8 khi gió mùa Đông Nam còn thổi và báo hiệu mùa mưa bão sắp tới, đoàn thuyền buôn bắt đầu rời bến Hội An để về nước.

(Charles, W., 2015). Chính sự phong phú của nguồn hàng này cũng là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của mạng lưới giao thương đường sông (sông Thu Bồn, sông Vu Gia) ở vùng Quảng Nam, cũng như kết nối giữa cảng thị Hội An với cảng thị Thanh Hà (Huế) và Nước Mặn (Quy Nhơn). Từ Hội An, hàng hóa được vận chuyển và tiêu thụ ở Thanh Hà (Huế) nhằm phục vụ nhu cầu của Phú Xuân, đồng thời chuyển về phía nam đến Nước Mặn đáp ứng nhu cầu của phủ Quy Nhơn, vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ ngày nay. Do đó, trong thế kỷ XVII, XVIII, ở Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung, nghề buôn đường biển nội địa phát triển cực kỳ thịnh đạt với sự tham gia của thương nhân người Việt, người Hoa và cả người Nhật. Bằng chiếc ghe bầu, ghe thuyền buồm, dân các lái, dân ghe bầu, bạn ghe bầu đã lập thành các vạm buôn đường biển và thường lấy chính tên địa phương để đặt như vạm Thanh Châu, Cẩm Phô, Hội An, Bàn Thạch... Từ đây, Hội An trở thành điểm trung chuyển trên con đường hải thương sầm uất nhất châu Á từ các cảng thị ở Ấn Độ đến Đông Nam Á và vùng Viễn Đông như nhận định: Hội An đã trở thành trung tâm kinh tế đối ngoại (entrepôts) quan trọng nhất của Đàng Trong và là một trong những thương cảng quốc tế trọng yếu trong tuyến giao thương Đông Á (Nguyễn Văn Kim, 2009).

Thứ tư, mạng lưới cảnh quan tài nguyên bên ngoài (Outer Resource Landscape) mà trọng tâm là xác tàu đắm Cù Lao Chàm và các xưởng đóng tàu, đóng ghe bầu phục vụ cho cảng thị Hội An ở vùng phụ cận. Được phát hiện một cách tình cờ từ khoảng đầu thập niên 90, xác tàu được tìm thấy ngoài khơi, cách đảo Cù Lao Chàm (Hội An - Quảng Nam) khoảng 20km về phía Đông ở tọa độ 1606'30" vĩ tuyến Bắc, 108027' kinh tuyến Đông. Trải qua 2 đợt khai quật (1997-2007) đã phát lộ: "Xác con tàu lộ ra và nằm theo hướng Đông Tây và nghiêng từ phía Bắc xuống phía Nam. Tàu được làm bằng gỗ tẻch dài 29,40m, nơi rộng nhất là 7,2m. Lòng tàu được chia thành 19 khoang, giữa các khoang được phân chia bởi các thanh dầm gỗ được ghép rất xít sao, chặt chẽ không cho nước từ khoang này ngấm sang khoang khác (Đoàn Sung, 2016) với tổng cộng trên 260.000 hiện vật nguyên vẹn bao gồm đồ gốm men, đồ sành, đồ kim loại, đồ gỗ, đồ đá và di cốt người (trong đó hiện vật gốm Chu Đậu chiếm số lượng lớn nhất). Cùng với xác tàu đắm, theo như khảo sát của PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng tại vùng Gò Nổi đã tìm thấy nhiều dấu tích của làng Hà Mật xưa (xã Điện Phong, huyện Điện Bàn) nằm ở hữu ngạn sông Thu Bồn như một xưởng đóng tàu dưới thời chúa Nguyễn. Hiện nay trước đền thờ Hà Mật, là dòng Thu Bồn xưa, mà người dân địa phương quen gọi là sông Hà Mật, mặc dù sông đã bị bồi lấp khi Thu Bồn đổi dòng nhưng vẫn còn đó những chiếc thuyền đi biển của người dân xung quanh trú đậu sau những ngày dài rong khơi (Nguyễn Văn Đăng, 2016). Cùng với các xưởng đóng tàu, thì phân bố ở khu vực ngoại vi Hội An cho đến đầu thế kỷ XX là các vạm ghe bầu Thanh Châu, Cẩm Phô (ở Hội An) và Bàn Thạch, Duy Vinh, An Hòa (ở Duy Xuyên) (Nguyễn Văn Đăng, 2016). Xác tàu đắm với các di vật được phát hiện, xưởng đóng tàu, đóng ghe bầu không chỉ là một trong những minh chứng điển hình nhất, đặc biệt nhất cho vai trò của cảng thị Hội An trong giao thương quốc tế thời đại hải thương mà còn là nguồn tư liệu quan trọng, toàn diện góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo thiêng liêng của chúng ta trên biển Đông.

3.2. Bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan văn hóa biển Hội An vì mục tiêu phát triển bền vững

Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) là sáng kiến của Liên hợp quốc nhằm giải quyết các thách thức toàn cầu hiện nay, chẳng hạn như đói nghèo, bất bình đẳng, biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, hòa bình và công lý. SDG kêu gọi sự đa dạng trong việc liên hệ di sản văn hóa hàng hải

với các vấn đề môi trường hiện có. Do đó, có thể nói việc bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan văn hoá biển Hội An là vấn đề mang tính thời sự. Dựa vào các nguồn tài liệu được tiếp cận và kết quả khảo sát thực địa, chúng tôi cho rằng, cảnh quan văn hoá biển Hội An hiện đang đối diện với những thách thức chủ yếu sau đây:

Đầu tiên là sự biến đổi về cảnh quan sinh thái biển. Chúng ta đều biết rằng, tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái biển như san hô, cỏ biển, bãi triều... vốn rất nhạy cảm với tác động từ môi trường và biến đổi khí hậu. Những năm gần đây, vấn đề sạt lở bờ biển ở khu vực Cửa Đại đang diễn ra hết sức phức tạp, dẫn đến thiệt hại lớn về tài sản, công trình, kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái. Vào mùa gió mùa Đông Bắc, phần lớn bờ biển đoạn này chịu tác động trực tiếp của sóng gây xói lở-bồi tụ. Trong 2 năm (2020 - 2022), tình trạng xói lở bờ biển khu vực từ An Bàng đến Bắc Cửa Đại đạt 3,9 m/năm, trong khi bồi tụ là 2,2 m/năm. Tình trạng xói mòn đặc biệt nghiêm trọng trong khu vực từ phía nam cửa Đại đến Duy Hải với mức độ 7,9m/năm (trong khi bồi tụ 3,67m/năm) (Nguyễn T.T., 2024). Khu vực sạt lở nhiều nhất là tại bãi tắm Hà My với tốc độ lùi bờ là 119 m sau 5 năm và tổng diện tích mất đất giai đoạn 2016 - 2021 đạt 65 ha và tổng diện tích mất đất của cả khu vực lên đến 112 ha (Quỳnh K.N. Cao, Phạm T.H. Hạnh, Bùi Tá Long, 2022). Theo kết quả quan sát trực tiếp, cho đến tháng 6/2025, phần bãi biển Cửa Đại (đoạn qua khối phố Tân Thành, phường Hội An Tây) đã bị sạt lở từ 5m-7m; tốc độ xói lở diễn ra khá nhanh và rõ rệt quanh vị trí bãi tắm An Bàng. Mặc dù các cấp chính quyền và các ngành, địa phương hết sức nỗ lực trong việc đầu tư, tìm kiếm giải pháp để khôi phục trong nhiều năm qua, nhưng hơn 7,5km bờ biển đã bị xói lở hầu như chưa có dấu hiệu hồi phục một cách bền vững như nó đã từng có (Lê Ngọc Thảo, 2024).

Cùng với sự xói lở nghiêm trọng bờ biển Cửa Đại là sự suy giảm hệ sinh thái biển (đặc biệt tại Cù Lao Chàm) cũng như việc đánh mất hệ thống rừng phi lao và rừng ngập mặn ven biển. Các công trình xây dựng dọc bờ sông, trên các cồn cát, bãi biển làm đã làm thay đổi hình thái tự nhiên, tác động đến dòng chảy, tác động trực tiếp đến các sinh cảnh, hệ sinh thái, làm mất nơi sinh sản và thay đổi vòng đời của nhiều loài thủy sinh cũng như chim di cư.

Hiện tượng này không chỉ tác động và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động du lịch mà quan trọng hơn nó đã dẫn đến những thay đổi về cảnh quan văn hoá biển của Hội An và những tập quán sinh hoạt của cộng đồng cư dân địa phương từ bao đời nay. Việc xây dựng hệ thống các resort, khách sạn ven biển không chỉ làm thay đổi diện mạo vùng bờ biển mà quan trọng hơn là những tác động làm biến đổi cả không gian của các làng chài ven biển Hội An. Một không gian văn hoá biển với các miếu thờ, bến cá, mái đình làng biển dần biến mất. Các làng chài truyền thống trước đây như Cửa Đại, Tân Thành,... bị thu hẹp về diện tích. Một sự thay đổi mạnh mẽ trong lối sống và mối quan hệ với biển khi người dân địa phương không còn tha thiết gắn bó với biển cũng như các nghề thủ công truyền thống thời xa xưa.

Cùng với sự thay đổi dễ nhận thấy về không gian văn hoá, các giá trị văn hoá phi vật thể và bản sắc cộng đồng văn hoá biển cũng dần bị phai màu. Ở nhiều làng chài nơi chúng tôi đi qua, đã từ vài năm trở lại đây không tổ chức hoặc chỉ mang tính hình thức các lễ hội truyền thống văn hoá biển: lễ cầu ngư, hội đua thuyền.

Những thay đổi này dù trực tiếp hay gián tiếp đều có những tác động không mong muốn đến cảnh quan văn hoá biển Hội An. Vậy nên, việc đẩy mạnh các nghiên cứu về cảnh quan văn hoá

biên cho phép tìm hiểu một cách toàn diện hơn về tương tác của cư dân địa phương và các nhóm cư dân khác với môi trường biển ở Hội An. Quan trọng nhất là qua đó có thể tìm ra mối liên hệ giữa các di sản nằm trên bờ biển Hội An với môi trường biển vùng lân cận. Nhưng phát triển bền vững đòi hỏi phải có kế hoạch dài hạn nhằm bảo tồn cảnh quan văn hoá biển một cách có hệ thống. Vì vậy, điều quan trọng nhất trong quá trình phát triển bền vững là bảo vệ và bảo tồn. Hàm ý của việc bảo tồn đối với cảnh quan văn hóa biển bao gồm cả việc phục hồi và tái thiết bởi vì cảnh quan văn hóa là một sinh vật sống, liên tục thay đổi theo ảnh hưởng của khí hậu và thời gian. Chỉ khi tất cả các hành động cần thiết hướng tới việc bảo vệ và bảo tồn di tích văn hóa biển và môi trường được thực hiện, và tình trạng của chúng được quan sát thường xuyên, thì chúng ta mới có thể quản lý và phát huy giá trị của chúng. Hội An, với tất cả những phân tích trên đây đã cho thấy một thiết chế văn hoá biển nói chung và một cảnh quan văn hoá biển nói riêng hết sức độc đáo, mang tính nhận diện cao. Do đó, trong thời gian tới, chúng tôi hy vọng rằng, chính quyền địa phương có thể đưa ra những chính sách cụ thể gắn việc quản lý cảnh quan văn hoá biển với việc chú ý đúng mức đến việc bảo tồn môi trường vật lý và tài nguyên thiên nhiên, trong đó chú trọng quy hoạch không gian biển tổng thể có sự kết hợp giữa phát triển du lịch-kinh tế biển với bảo vệ hệ sinh thái biển-ven biển và phát triển cộng đồng đảm bảo sinh kế bền vững. Cần xác định rõ vùng lõi cần bảo tồn của không gian văn hoá biển Hội An để giảm tránh các xung đột lợi ích cũng như các mâu thuẫn nảy sinh từ việc sử dụng đất đai vùng ven biển.

Thứ hai, cảnh quan văn hoá biển bao gồm cả những yếu tố hữu hình (có thể dễ dàng nhận thấy) lẫn các yếu tố nằm ẩn sâu dưới lòng đất hoặc dưới mặt nước, vậy nên cần nêu cao vai trò cộng đồng trong công tác bảo vệ, phát huy giá trị của cảnh quan văn hoá biển Hội An. Điều này càng bức thiết hơn nữa trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra trên toàn cầu. Nằm trên địa bàn ven biển miền Trung với khí hậu cực kỳ khắc nghiệt, phần lớn cảnh quan văn hoá biển Hội An (với sự tác động thường xuyên của nắng, mưa, gió, bão...) đang xuống cấp, hư hại rất nhanh chóng. Bên cạnh đó, với bản chất năng động, mức độ phụ thuộc cao của con người, áp lực phát triển và tính dễ bị tổn thương của môi trường ở các khu vực biển, nên việc bảo tồn cảnh quan văn hoá biển ở Hội An là một việc làm đòi hỏi nhiều nguồn lực và sự chung tay của cộng đồng cư dân địa phương mà trung tâm là những ngư dân hàng ngày gắn liền với môi trường biển. Muốn thực hiện được điều này, việc nâng cao nhận thức của người Hội An về tầm quan trọng của cảnh quan văn hóa biển, về những di sản văn hóa vô giá và mối quan hệ độc đáo giữa văn hóa và môi trường biển là vô cùng cần thiết bởi vì: chỉ khi mọi người được giáo dục đủ về giá trị của cảnh quan này, họ mới có thể hành động hướng tới việc bảo vệ và duy trì tính bền vững của nó cho các thế hệ tương lai (Marina Vladimirova, 2016). Không những thế, chúng ta cần trao quyền tham gia cho người dân địa phương trong các chương trình củng cố hành lang bảo vệ bờ biển, bảo vệ hệ sinh thái biển (đặc biệt ở các làng chài ven biển như Cửa Đại, Tân Thành).

Thứ ba, cảnh quan văn hoá biển ở Hội An là một di sản độc đáo mà nếu biết cách khai thác, trong tương lai, nó có thể trở thành một sản phẩm du lịch hấp dẫn, góp phần đa dạng hoá hơn nữa môi trường du lịch văn hoá ở Hội An. Vậy nên nếu chúng ta bảo tồn được cảnh quan văn hoá biển Hội An, cung cấp cho nó sự bảo vệ cần thiết và quản lý nó một cách hiệu quả, nó có thể trở thành một cách thức đảm bảo sự phát triển bền vững của vùng ven biển. Ví dụ, hệ thống chợ cá ở Hội An có thể được lưu tâm nhiều hơn với việc đa dạng hoá nguồn thông tin cung cấp trên các nền tảng số; các nghi lễ và nghi thức, nghề truyền thống gắn với biển gần như bị lãng quên nên được khôi phục

trở lại; các sự kiện và lễ hội biển nên được phát triển theo hướng bảo lưu các giá trị văn hoá truyền thống. Đường bờ biển Hội An (nhất là khu vực Cửa Đại) cần được phục hồi với các địa điểm tham quan xác ghe bầu, phục dựng một mô hình thực tế ảo về cảng thị Hội An trong lịch sử...

Tất cả những yếu tố cảnh quan văn hoá biển Hội An nên được nhìn nhận một cách toàn diện và khai thác một cách đúng mức. Điều này sẽ giúp kết nối cảnh quan văn hoá biển hiện tại với chiều sâu của quá khứ mà Hội An từng có. Do đó tận dụng những điều kiện hiện có để phát triển các sản phẩm du lịch cảnh quan văn hoá biển cũng có thể là một hướng đi mà Hội An có thể xem xét trong thời gian tới. Đây là cách thể hiện sự đa dạng, phong phú và đặc điểm dân tộc học độc đáo của cảnh quan văn hóa biển Hội An, góp phần quan trọng mang lại lợi ích cho người dân địa phương và cho sự bền vững của vùng ven biển.

4. Kết luận

Là vùng đất có yếu tố biển nổi trội, Hội An trải qua nhiều giai đoạn lịch sử thăng trầm khác nhau đến nay vẫn bảo lưu được hệ cảnh quan văn hoá biển với nhiều yếu tố đặc trưng từ hệ thống di tích cổ đến các làng biển, nghề biển và các sinh hoạt văn hoá gắn liền với biển.

Việc bảo tồn cảnh quan văn hoá biển Hội An là vấn đề cấp thiết trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra một cách nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh đó, việc nhận diện và phát huy giá cảnh quan văn hoá biển Hội An cần được tiến hành một cách có hệ thống và dựa vào cộng đồng cư dân địa phương vì một tương lai phát triển bền vững của Hội An.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn An (2016). Văn hoá biển nhìn từ ngành nghề truyền thống ở Hội An. *Kỷ yếu HTKHQG “Di sản văn hoá biển trong phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung”*, Trường Đại học Quảng Nam.
2. Đỗ Bang (2008). Phố cảng Hội An – Thời gian và không gian lịch sử. *Kỷ yếu HTKH Về khu phố cổ Hội An (23-24/7/1985)*, Công ty cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam, Quảng Nam.
3. Borri, C. (1999). *Xứ Đàng Trong năm 1621*. Dịch giả Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
4. Charles, W. (2015). *Một vùng đất - Hai lịch sử: Tiền tố Chăm trong lịch sử vùng đất Hội An*, trong Một số chuyên đề Lịch sử thế giới (t. 3), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Đăng (2016). Truyền thống đóng tàu thuyền của cư dân Quảng Nam: Một sắc thái nổi bật của văn hoá biển đảo miền Trung. *Kỷ yếu HTKHQG “Di sản văn hoá biển trong phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung”*, Trường Đại học Quảng Nam.
6. Lê Quý Đôn (bản dịch bổ chính: Trần Đại Vinh) (2017). *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Flatman, J. (2012). *Places of Special Meaning: Westerdahl’s Comet, “Agency”, and the Concept of the “Maritime Cultural Landscape”*. In B. Ford (ed.), *The Archaeology of Maritime Landscape* (pp. 311-329). Springer, New York.
8. Nguyễn Văn Kim (2009). *Mạng lưới giao thương Đông Á trước thời đại mở cửa và những hệ quả phát triển - Trường hợp Hội An*, truy xuất từ: <https://inas.vass.gov.vn/497-mang-luoi-giao-thuong-dong-a-truoc-thoi-dai-mo-cua-va-nhung-he-qua-phat-trien-truong-hop-hoi-an.html>
9. Nguyễn Văn Kim (2019). *Biển Việt Nam và các mối giao thương biển*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

10. Phan Huy Lê (1991). Hội An: Lịch sử và Hiện trạng, *Kỷ yếu HT quốc tế Về Đô thị cổ Hội An (22-23/3/1990)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.15-25.
11. Marina Vladimirova (2016). *Maritime Cultural Landscape – Cultural Tourism – Sustainable Development*. International Journal of Cultural and Digital Tourism Volume 3, Number 1, Spring 2016.
12. Maybon, B. Charles (2016). *Những người châu Âu ở nước An Nam*. Nguyễn Thừa Hỷ dịch, NXB Thế giới, tp Hồ Chí Minh.
13. Pungetti, G. (2022b). Seascape contexts and concepts. In *Routledge handbook of seascapes*, ed. G. Pungetti, 3–22. London: Routledge.
14. Quỳnh K.N. Cao, Phạm T.H. Hạnh, Bùi Tá Long (2022). Đánh giá diễn biến đường bờ và xu thế bồi – xói khu vực bờ biển Cửa Đại – Hội An, tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Khí tượng Thủy văn*, số 736(1); doi:10.36335/VNJHM.2022(736(1)), tr.41-53.
15. Đoàn Sung (2016). Phát huy giá trị tàu đắm Cù Lao Chàm phục vụ phát triển kinh tế du lịch. *Kỷ yếu HTKHQG “Di sản văn hoá biển trong phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung”*, Trường Đại học Quảng Nam.
16. Tian, Y. and Yang, L., (2020). Cultural and artistic design of coastal cities based on marine landscape. In: Gong, D.; Zhang, M., and Liu, R. (eds.), *Advances in Coastal Research: Engineering, Industry, Economy, and Sustainable Development*. Journal of Coastal Research, Special Issue No. 106, pp. 431–434. Coconut Creek (Florida), ISSN 0749-0208.
17. Nguyễn Thị Ngọc Thảo. (2020). Nhận thức về biển và chính sách hướng biển của các chúa Nguyễn Đàng Trong (thế kỷ XVI - thế kỷ XVIII). *Luận án tiến sĩ Lịch sử thế giới*. Đại học KHXH và NV, Đại học quốc gia Hà Nội.
18. Lê Ngọc Thảo (2024). Tính liên kết giữa tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn trong Khu sinh quyển Cù Lao Chàm-Hội An. *Đặc san Bảo tồn di sản (Chuyên đề: 25 năm bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hoá thế giới Đô thị cổ Hội An)*, Tập 4 (68), tr.60-71
19. Bùi Thiết (2008). Tìm về cội nguồn của sự hưng khởi của Hội An (qua một số nguồn tư liệu khan hiếm). *Kỷ yếu HTKH Về khu phố cổ Hội An (23-24/7/1985)*, Công ty cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam, Quảng Nam.
20. Nguyễn Chí Trung (2005). *Cư dân Faifo-Hội An trong lịch sử*. TT Quản lý Bảo tồn di tích Hội An, Công ty In Quảng Nam, Quảng Nam.
21. Nguyen T.T. (2024). Estimation of erosion-deposition trends across the Quang Nam coast in the background of the climate variability. *Bulletin of the Tomsk Polytechnic University*. Geo Assets Engineering, Vol. 335, N. 5, P. 172-181, doi: 10.18799/24131830/2024/5/4289
22. UBND thành phố Hội An (2015). *Di tích-danh thắng Hội An*. NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
23. Vrana, K.J., & Vander Stoep, G.A. (2003). The Maritime Cultural Landscape of the Thunder Bay National Marine Sanctuary and Underwater Preserve. In *Submerged Cultural Resource Management* (pp. 17-28), Springer, New York.
24. Trần Quốc Vượng. (1991). Vị thế địa - lịch sử và bản sắc địa – văn hoá của Hội An, *Kỷ yếu HT quốc tế Về Đô thị cổ Hội An (22-23/3/1990)*, Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội, tr.51-61.
25. Trần Quốc Vượng (1998). Khu phố cổ Hội An. Văn hoá Hội An (Kỷ niệm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2.9), Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
26. Trần Quốc Vượng (2008). Chiêm Cánh Hội An với cái nhìn về biển của người Chăm và người Việt. *Kỷ yếu HTKH Về khu phố cổ Hội An (23-24/7/1985)*, Công ty cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam, Quảng Nam.
27. Westerdahl, C. (2011). *The Maritime Cultural Landscape*. In A. Catsambis, B. Ford, & D. L. Hamilton, The Oxford Handbook of Maritime Archaeology (pp. 733-757). USA: Oxford University Press.